SAFETY JOGGER
PROFESSIONAL



Light

JULIA OB

JULIA2

Giày công sở chuyên n ghiệ p và phong cách

Julia là đôi giày công sở lý t ưở n g chọn mới tuyệt vời cho ngoài chuyên n ghiệ p và phong cách hàng ngày. Julia có đế ngoài p đế m chịu ổ sung và mặt trên bằn g da ch ố n g thấm nư ớc , vì vậ y bạn có th ể t ự tin làm việ c và t iế p t uc h oạt độ n g cả ngày.

Những vật liệu cao cấp hơn	Lorica
lót bên trong	i tái chế lưới
trong	Đ ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
ngoài	Đ PU/Cao su
i	Loạ OB / SR, FO, HRO, E
	Phạm vi kích thước EU 35-42 / UK 3.0-8.0 / US 5.5-10.5 JPN 21.5-26.5 / KOR 230-270
ng lượng t	thép 0.240 kg
ẩn	hóa u chu EN ISO 20347:2022+A1:2024 ASTM F3445:2024



BLK

Tay cầm **Oxy / Tay** cầm **SJ**
ngoài bằng cao su Oxytraction bám trên sàn khô và SRC (SRA+ SRB).

Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt độ giữ chân khô ráo lâu hơn.

SJ BỌ
lót chân chống tĩnh mái có thể tháo vặn, dẫn hướng và hấp thụ sốc gót chân và bàn thoáng khí và hút ẩm.

SRA
giày SRA phòng pha loãng.

HEAD-TO-TOE PROTECTION

SAFETY JOGGER WORKS

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**
phục vụ **ăn** ống nn gg Hục

ường: **Môi** t
rư ờn **môi** khô

K

Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ơn vị **đo** l Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **Lorica** **cao** cấp h ơn		
Top: khả năng **tái** ch ế ớ	? 0.8	1.8 iờ mg/cm/g
Top: hi nuệ sốn ơ	? 15	17.3 mg/cm2
ót bên trong i **tái** ch ế ớ		
L ớp **lót:** ả ớ	? 2	86.31 iờ mg/cm/g
lót: hi nuệ sốn ơ	? 20	694 mg/cm2
rong Đ ệ m **chân** **SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)		
ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ớ t) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800 chu kỳ
goài Đ **PU/Cao su**		
Ch ố n ả ng **trượt** ế ngoài (	? 150	103 mm
Chư ố ợ t **gót** - Ceramic + NaLS - Trư ợ t **gót** v ề phía t	? 0.31	0.43 ma sát
r Cộ t ố ả - G ố m + NaLS - Trư ợ t **lùi** v ề phía t	? 0.36	0.41 ma sát
r Cộ t SR - G ố m + Glycerin - Trư ợ t **gót** phía t	? 0.19	0.30 ma sát
Chư ố ợ t SR - G ố m + Glycerin - Trư ợ t v ề phía t	? 0.22	0.28 ma sát
ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	N/A megaohm
ị ESD Giá t	0.1 - 100	N/A megaohm
Hấp thụ năng l ợ g **gót** chân ủ	? 20	34 J

kích thước thép: 37

a chú Safety Jogger có thể thay đổi. Safety Jogger nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của tôi.

hân sinh thái:

Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị **đo** l Đ ờn g q
i **CO** **hát** thả	
V ật l iệu	2.07 kg
Bao bì	0.10 kg
ất Sản x u	1.90 kg
Chuyên ch ở	0.26 kg
	4.33 kg CO2/ cặp

Sự **miêu** t ả	ế t K q
ệ vật l Tiệ ỷ **tái** ch ế	
Product	10%
Bao bì	99%

Tính toán CO2:
rị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán dựa trên dữ liệu từ cơ sở dữ liệu Ecoinvent và có thể thay đổi.